

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Khoảng

Bà Nguyễn Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Mộng Cẩm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 251/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020, về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Đ, sinh năm 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Lâm Thanh H, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Địa chỉ: khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 16/7/2020, nguyên đơn chị Hồ Thị Đ trình bày: Chị và anh Lâm Thanh H thành hôn vào năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 27/02/2006. Thời gian vợ chồng chung sống gần 13 năm lúc đầu có hạnh phúc, sau thường phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh H không chung thủy trong quan hệ vợ chồng nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, chị yêu cầu được ly hôn với anh H. Về con chung, vợ chồng chị có 01 con chung tên Lâm Gia B, sinh ngày 29/6/2005 hiện đang sống chung với chị.

Chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung chị Đ không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn là anh Lâm Thanh H. Đồng thời triệu tập các đương sự đến tham gia phiên hoà giải nhiều lần nhưng phía anh H không trình bày ý kiến bằng văn bản gởi cho Tòa án. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên toà nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Lâm Thanh H tại phiên toà hôm nay.

Tại bản khai trình bày ý kiến ngày 16/7/2020 cháu Lâm Gia B trình bày: Nguyên vọng con muốn được sống với mẹ.

Tại biên bản xác minh ngày 06/8/2020 bà Trương Thị L là mẹ ruột của anh Lâm Thanh H trình bày: Thời gian vợ chồng anh H sống chung đi làm thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 02 năm trước anh H bỏ vợ đi sống chung với người phụ nữ khác, chị Đ chờ đợi anh H trở về nhưng anh H không trở về với vợ con. Từ khi anh H bỏ đi đến nay, chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B chu đáo, cho học hành đầy đủ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện cơ bản đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

-Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến là không tuân thủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Hồ Thị Đ được ly hôn với anh Lâm Thanh H.

- Về con chung: Đề nghị giao cháu Lâm Gia B, sinh ngày 29/6/2005 cho chị Hồ Thị Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lâm Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hồ Thị Đ có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn anh Lâm Thanh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Hồ Thị Đ và anh Lâm Thanh H thành hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 27/02/2006 nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Trong thời gian sống chung, chị Hồ Thị Đ trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Lâm Thanh H không chung thủy trong quan hệ vợ chồng. Việc này bà Trương Thị L (mẹ ruột anh H) cũng xác nhận. Mặc khác, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập bị đơn đến tham gia hòa giải nhằm giúp đỡ chị Đ, anh H đoàn tụ nhưng anh H vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, anh H không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Hồ Thị Đ là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Giữa chị Hồ Thị Đ và anh Lâm Thanh H có 01 con chung là Lâm Gia B, sinh ngày 29/6/2005 hiện đang sống chung với chị Đ. Hội đồng xét xử nhận thấy: thời gian chị Đ, anh H không sống chung, cháu Gia B do chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, bà L (mẹ ruột anh H) xác định cháu B được chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo. Mặc khác, anh H đã được thông báo về nội dung khởi kiện của chị Đ nhưng anh H không có ý kiến phản đối về việc chị Đ yêu cầu tiếp tục nuôi con. Đồng thời, cháu Lâm Gia B có nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là Lâm Gia B, sinh ngày 29/6/2005 là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị Hồ Thị Đ là người đang trực tiếp nuôi con nhưng chị Đ không yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Hồ Thị Đ và anh Lâm Thanh H không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Hồ Thị Đ có nghĩa vụ nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hồ Thị Đ ly hôn với anh Lâm Thanh H.

2. Về con chung: Giao cháu Lâm Gia B, sinh ngày 29/6/2005 cho chị Hồ Thị Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lâm Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Hồ Thị Đ có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0016277 ngày 17/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị Đ đã nộp đủ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Ủy ban nhân dân thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga

